

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2307 /QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 21 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố (đính kèm danh mục).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; Quyết định số 1926/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2024 về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP;
- CT, PCT UBND TP;
- VP UBND TP (2B,3G);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT.QN *ln*



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Tấn Hiển
Dương Tấn Hiển



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH
NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**
(*Kèm theo Quyết định số: 2307/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố*)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP THÀNH PHỐ**

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Lấy ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở phục vụ thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	Xây dựng	Sở Xây dựng
2	Thẩm tra hồ sơ xử lý vi phạm hành chính về trật tự xây dựng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố do Sở Xây dựng trình	Xử lý vi phạm hành chính	Sở Xây dựng
3	Thẩm tra hồ sơ xử lý vi phạm hành chính về trật tự xây dựng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố do Ủy ban nhân dân quận, huyện trình	Xử lý vi phạm hành chính	Sở Xây dựng
4	Phối hợp lấy ý kiến, thông tin về lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước, cây xanh, chiếu sáng, nghĩa trang và cơ sở hỏa táng)	Hạ tầng kỹ thuật	Sở Xây dựng
5	Xây dựng chương trình phát triển nhà ở của thành phố	Nhà ở	Sở Xây dựng
6	Xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở của thành phố	Nhà ở	Sở Xây dựng
7	Điều chỉnh chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở	Nhà ở	Sở Xây dựng
8	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch chung đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.	Quy hoạch - Kiến trúc	Sở Xây dựng
9	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố, thị xã, đô thị loại IV trở lên chưa công nhận là thành phố, thị xã; đô thị mới dự	Quy hoạch - Kiến trúc	Sở Xây dựng

	kiến là thành phố, thị xã thuộc tỉnh.		
10	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chung thị trấn, đô thị loại V chưa công nhận là thị trấn và đô thị mới loại V.	Quy hoạch - Kiến trúc	Sở Xây dựng
11	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.	Quy hoạch - Kiến trúc	Sở Xây dựng
12	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.	Quy hoạch - Kiến trúc	Sở Xây dựng
13	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị.	Quy hoạch - Kiến trúc	Sở Xây dựng
14	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị.	Quy hoạch - Kiến trúc	Sở Xây dựng
15	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.	Quy hoạch - Kiến trúc	Sở Xây dựng
16	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.	Quy hoạch - Kiến trúc	Sở Xây dựng
17	Thẩm định nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.	Quy hoạch - Kiến trúc	Sở Xây dựng
18	Thẩm định đồ án thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.	Quy hoạch - Kiến trúc	Sở Xây dựng

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư.	Xây dựng	Ủy ban nhân dân cấp huyện
2	Điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư.	Xây dựng	Ủy ban nhân dân cấp huyện

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP THÀNH PHỐ

1. Thủ tục “Lấy ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở phục vụ thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng”.

1.1. Trình tự thực hiện: Không quy định

1.2. Cách thức thực hiện: Sở Xây dựng gửi hồ sơ đến Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an thành phố.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Công văn xin ý kiến của Sở Xây dựng (bản chính).
- Tờ trình thẩm định/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Mẫu số 1, Phụ lục I, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ) của Chủ đầu tư (bản sao).
- Chủ trương đầu tư xây dựng công trình theo quy định pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư (bản sao).
- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có). (bản sao)
- Văn bản/ Quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo (nếu có) (bản chính) của một trong các loại quy hoạch sau:
 - + Quy hoạch chi tiết xây dựng có cấp thẩm quyền phê duyệt;
 - + Quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch;
 - + Phương án tuyển công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;
 - + Quy hoạch phân khu đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng..
- Hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (bản chính) gồm:
 - + Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt.
 - + Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.
 - + Thiết kế cơ sở hoặc thiết kế khác (gồm bản vẽ và thuyết minh).
 - + Hồ sơ Báo cáo kết quả thẩm tra Tổng mức đầu tư xây dựng (đính kèm các tài liệu liên quan).
 - + Danh mục tiêu Quy chuẩn, chuẩn áp dụng cho dự án.

- Hồ sơ năng lực (bản sao):

+ Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có);

+ Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng;

+ Chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư;

+ Chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra.

b) Số lượng: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết:

Không quá **07 ngày** làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng. Cơ quan phối hợp: Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an thành phố.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản góp ý về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở, dự án.

1.8. Lệ phí (nếu có): không.

1.9. Tên Công văn: Lấy ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở phục vụ thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Quy chế 01/QCPH-BCA-BXD ngày 13 tháng 02 năm 2018 về phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Xây dựng trong công tác quản lý đầu tư xây dựng và phòng cháy, chữa cháy đối với dự án, công trình.

- Quy chế phối hợp số 20/QCPH-SXD-CATP ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Sở Xây dựng và Công an thành phố về Quy chế phối hợp giữa Sở Xây dựng và Công an thành phố Cần Thơ trong công tác bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc lĩnh vực xây dựng.

2. Thủ tục “Thẩm tra hồ sơ xử lý vi phạm hành chính về trật tự xây dựng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố do Sở Xây dựng trình”.

2.1. Trình tự thực hiện:

- Lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Gửi biên bản vi phạm hành chính kèm hồ sơ có liên quan (bản photo) đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố để báo cáo vụ việc đảm bảo thời hạn 24 giờ kể từ khi lập biên bản vi phạm hành chính.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, Sở Xây dựng hoàn chỉnh hồ sơ vụ vi phạm hành chính gồm: Tờ trình, dự thảo quyết định, biên bản vi phạm hành chính và các giấy tờ có liên quan gửi Sở Tư pháp có ý kiến thẩm tra;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ Sở Tư pháp có ý kiến thẩm tra gửi Sở Xây dựng. Nội dung thẩm tra: xác định thẩm quyền, thời hiệu, thời hạn, tính pháp lý của các tài liệu, hồ sơ và các điểm cần lưu ý (nếu có).

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận ý kiến của Sở Tư pháp, Sở Xây dựng có Tờ trình (nêu rõ tình tiết vụ vi phạm, diễn biến quá trình lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, ý kiến thẩm tra về chuyên môn, nội dung tiếp thu hay không tiếp thu đối với ý kiến thẩm tra, tránh trường hợp sao chụp toàn bộ nội dung dự thảo quyết định xử phạt), dự thảo văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định đảm bảo thời hạn xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

2.2. Cách thức thực hiện: không quy định

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: không quy định

b) Số lượng: không quy định

2.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính đến ngày Sở Xây dựng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người được giao nhiệm vụ lập biên bản vi phạm hành chính.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng. Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: không quy định

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): không

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: thực hiện theo các biểu mẫu quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. 10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

- Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Công văn số 22/UBND-NC ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phối hợp tham mưu, quản lý xử lý vi phạm hành chính.

3. Thủ tục “Thẩm tra hồ sơ xử lý vi phạm hành chính về trật tự xây dựng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố do Ủy ban nhân dân quận, huyện trình”.

3.1. Trình tự thực hiện: không quy định

3.2. Cách thức thực hiện: không quy định

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: không quy định

b) Số lượng: không quy định

3.4. Thời hạn giải quyết: không quy định

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người được giao nhiệm vụ lập biên bản vi phạm hành chính.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng. Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân quận, huyện.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: không quy định

3.8. Phí, lệ phí (nếu có): không

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: thực hiện theo các biểu mẫu quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

- Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Công văn số 22/UBND-NC ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phối hợp tham mưu, quản lý xử lý vi phạm hành chính.

4. Thủ tục “Phối hợp lấy ý kiến, thông tin về lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước, cây xanh, chiếu sáng, nghĩa trang và cơ sở hỏa táng)”

4.1. Trình tự thực hiện: không quy định

4.2. Cách thức thực hiện: Sở Xây dựng gửi hồ sơ đến các sở, ban ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Công văn lấy ý kiến của Sở Xây dựng: bản chính.

- Hồ sơ kèm theo (nếu có): bản sao

b) Số lượng: 01 bộ

4.4. Thời hạn giải quyết: Không quá **07 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Xây dựng.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: các sở, ban ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản có ý kiến, thông tin về lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước, cây xanh, chiếu sáng, nghĩa trang và cơ sở hỏa táng, ...).

4.8. Phí, lệ phí (nếu có): không

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009.

- Các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước, cây xanh, chiếu sáng, nghĩa trang và cơ sở hỏa táng, ...).

5. Thủ tục “Xây dựng chương trình phát triển nhà ở của thành phố”

5.1. Trình tự thực hiện:

- Sở Xây dựng lập tờ trình đề xuất xây dựng chương trình phát triển nhà ở thành phố gửi Ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt bao gồm đề cương

chi tiết, dự toán kinh phí xây dựng chương trình phát triển nhà ở, tiến độ và phương thức tự thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn có kinh nghiệm về việc xây dựng chương trình phát triển nhà ở để thực hiện. Trong thời hạn tối đa 45 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm xem xét, phê duyệt đề xuất xây dựng chương trình phát triển nhà ở;

- Sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố, trường hợp Sở Xây dựng trực tiếp thực hiện thực hiện thì phải tổ chức triển khai xây dựng chương trình phát triển nhà ở theo tiến độ đã được phê duyệt; trường hợp thuê đơn vị tư vấn thực hiện thì Sở Xây dựng tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Trong quá trình xây dựng chương trình phát triển nhà ở, Ủy ban nhân dân huyện, quận (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và các cơ quan có liên quan của địa phương có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng, đơn vị tư vấn để tổ chức khảo sát; tổng hợp, cung cấp số liệu; xây dựng chương trình phát triển nhà ở;

- Sau khi hoàn thành xây dựng dự thảo chương trình phát triển nhà ở, Sở Xây dựng phải gửi văn bản lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan chức năng và tổ chức có liên quan của địa phương. Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Xây dựng, các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến phải gửi văn bản trả lời Sở Xây dựng;

- Trong thời hạn tối đa 45 ngày, kể từ ngày gửi văn bản góp ý, Sở Xây dựng có trách nhiệm hoàn thiện, chỉnh sửa nội dung dự thảo chương trình phát triển nhà ở; lập tờ trình gửi Ủy ban nhân dân thành phố xem xét cho ý kiến để trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua.

Thành phần hồ sơ trình Ủy ban nhân dân thành phố bao gồm: tờ trình của Sở Xây dựng, dự thảo chương trình phát triển nhà ở, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức, dự thảo tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về việc phê duyệt chương trình phát triển nhà ở.

Nội dung trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua bao gồm: mục tiêu, chỉ tiêu phát triển nhà ở; nhu cầu về nguồn vốn để phát triển nhà ở; dự kiến diện tích đất để phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang, nhà ở phục vụ tái định cư, nhà ở công vụ, cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư (nếu có) và các giải pháp để thực hiện chương trình phát triển nhà ở;

- Sau khi Hội đồng nhân dân thành phố thông qua chương trình phát triển nhà ở, trong thời gian tối đa 15 ngày, Ủy ban nhân dân thành phố phải ban hành quyết định phê duyệt chương trình phát triển nhà ở thành phố và đăng tải chương trình này trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố, đồng thời gửi cho Sở Xây dựng để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan này và gửi chương trình về Bộ Xây dựng để theo dõi việc thực hiện.

- 5.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp
- 5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định
- 5.4. Thời hạn giải quyết:** Không quy định
- 5.5. Đối tượng thực hiện:** Ủy ban nhân dân thành phố

5.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố
- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan trên địa bàn được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

5.7. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố kèm theo thuyết minh Chương trình phát triển nhà ở của thành phố.

5.8. Phí, lệ phí: Không quy định

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia; Quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị; Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; kết quả thực hiện chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh kỳ trước; hiện trạng nhà ở; nhu cầu về nhà ở trong giai đoạn xây dựng chương trình phát triển nhà ở thành phố (Khoản 1 Điều 26 Luật Nhà ở năm 2023)

5.11. Căn cứ pháp lý: Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

6. Thủ tục “Xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở của thành phố”

6.1. Trình tự thực hiện:

Sở Xây dựng lập tờ trình gửi Ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt bao gồm các nội dung: đề cương chi tiết, dự toán kinh phí xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở, tiến độ và phương thức tự thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn có kinh nghiệm về việc xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở để thực hiện.

Đối với việc xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở cho 05 năm của đầu kỳ chương trình phát triển nhà ở thì trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt chương trình phát triển nhà ở, Sở Xây dựng phải lập báo cáo đề xuất quy định gửi Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt.

Đối với việc xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở 05 năm tiếp theo của kỳ chương trình phát triển nhà ở thì Sở Xây dựng phải lập đề xuất gửi Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt trước ngày 30 tháng 6 của năm cuối kỳ kế hoạch trước đó;

- Trong thời hạn tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt đề xuất xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở thành phố;

- Căn cứ phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố, trường hợp Sở Xây dựng trực tiếp thực hiện thì phải tổ chức triển khai xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở theo tiến độ đã được phê duyệt; trường hợp thuê đơn vị tư vấn thực hiện thì Sở Xây dựng tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Trong quá trình xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan có liên quan của thành phố có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng, đơn vị tư vấn để tổ chức khảo sát; tổng hợp, cung cấp số liệu; xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở; trường hợp trong kế hoạch có sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thì trong nội dung phải nêu cụ thể danh mục dự án có sử dụng vốn, số vốn cần bố trí, giai đoạn giải ngân trong kỳ kế hoạch để lấy ý kiến của Sở Kế hoạch và đầu tư.

- Sau khi hoàn thành xây dựng dự thảo kế hoạch phát triển nhà ở, Sở Xây dựng phải gửi văn bản lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan có liên quan của thành phố.

Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Xây dựng, các cơ quan được lấy ý kiến phải gửi văn bản trả lời Sở Xây dựng;

- Trong thời hạn tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản góp ý, Sở Xây dựng phối hợp cùng đơn vị tư vấn (nếu có) hoàn thiện nội dung dự thảo kế hoạch phát triển nhà ở, lập tờ trình gửi Ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt;

- Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở.

Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt, Ủy ban nhân dân thành phố phải đăng tải công khai kế hoạch phát triển nhà ở trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố, đồng thời gửi cho Sở Xây dựng để đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan này và gửi về Bộ Xây dựng để theo dõi việc thực hiện;

- Trước ngày 31 tháng 12 của năm cuối kỳ kế hoạch, Ủy ban nhân dân thành phố phải tổ chức xây dựng, phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở cho kỳ tiếp theo.

- | | |
|---|---------------------------|
| 6.2. Cách thức thực hiện: | Trực tiếp |
| 6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: | Không quy định |
| 6.4. Thời hạn giải quyết: | Không quy định |
| 6.5. Đối tượng thực hiện: | Ủy ban nhân dân thành phố |

6.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố
- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan trên địa bàn được Ủy ban nhân dân thành phố giao

6.7. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố kèm theo thuyết minh Kế hoạch phát triển nhà ở của thành phố.

6.8. Phí, lệ phí: Không quy định

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Kỳ kế hoạch phát triển nhà ở thành phố là 05 năm, kỳ đầu kế hoạch phát triển nhà ở thành phố được xác định theo đầu kỳ của chương trình phát triển nhà ở thành phố.

6.11. Căn cứ pháp lý: Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

7. Thủ tục “Điều chỉnh chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở”**7.1. Trình tự thực hiện:**

a) Điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở

- Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Nhà ở, Sở Xây dựng lập tờ trình đề xuất điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở gửi Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt bao gồm các nội dung: đề cương chi tiết, dự toán kinh phí điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở, tiến độ và dự kiến đơn vị, cơ quan xây dựng chương trình điều chỉnh;

- Trình tự điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở thành phố được thực hiện tương tự như xây dựng chương trình phát triển nhà ở của thành phố;

- Thời gian xây dựng, phê duyệt điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở tối đa là 12 tháng, kể từ khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Nhà ở.

Trường hợp thành phố đã phê duyệt chương trình phát triển nhà ở mà trong chương trình chưa có chỉ tiêu về phát triển nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân hoặc đã có chỉ tiêu cho các đối tượng này nhưng Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu thì Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố quyết định bổ sung hoặc điều chỉnh các chỉ tiêu này trong chương trình phát triển nhà ở; việc bổ sung, điều chỉnh các chỉ tiêu này chỉ thực hiện một lần trong cả giai đoạn chương trình đã phê duyệt.

- Trước ngày 30 tháng 6 của năm cuối kỳ chương trình, Ủy ban nhân dân thành phố phải tổ chức xây dựng, phê duyệt chương trình phát triển nhà ở kỳ tiếp theo.

- Hàng năm, Ủy ban nhân dân thành phố phải đánh giá việc thực hiện chương trình phát triển nhà ở thành phố để có các giải pháp triển khai đạt hiệu quả và báo cáo về Bộ Xây dựng kết quả đánh giá này.

b) Điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở

- Sau khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Nhà ở, Sở Xây dựng lập đề xuất gửi Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt bao gồm các nội dung: kế hoạch thực hiện, đề cương chi tiết, dự toán kinh phí điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở; trong đó nêu rõ sự cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở;

- Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt đề xuất thì trình tự, thủ tục điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở được thực hiện tương tự như xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở của thành phố;

- Thời gian xây dựng, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở thành phố tối đa là 06 tháng, kể từ khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Nhà ở.

Trường hợp trong nội dung kế hoạch phát triển nhà ở điều chỉnh có điều chỉnh tăng vốn đầu tư công để phát triển nhà ở thì Ủy ban nhân dân thành phố phải báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định điều chỉnh vốn theo quy định của pháp luật về đầu tư công trước khi điều chỉnh kế hoạch.

Trường hợp sau khi thành phố đã bổ sung các chỉ tiêu phát triển nhà ở cho lực lượng vũ trang vào chương trình phát triển nhà ở nhưng chưa có các chỉ tiêu này trong kế hoạch thì Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định bổ sung chỉ tiêu này vào kế hoạch phát triển nhà ở; việc điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu này chỉ thực hiện một lần trong cả kỳ kế hoạch phát triển nhà ở đã phê duyệt.

7.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

- Trường hợp điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở: Thể hiện rõ các nội dung gồm: đề cương chi tiết, dự toán kinh phí điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở, tiến độ và dự kiến đơn vị, cơ quan xây dựng chương trình điều chỉnh.

- Trường hợp điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở: Thể hiện rõ các nội dung gồm: kế hoạch thực hiện, đề cương chi tiết, dự toán kinh phí điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở; trong đó nêu rõ sự cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở;

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

7.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở: 12 tháng.
- Trường hợp điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở: 06 tháng.

7.5 Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức liên quan đến phát triển nhà ở.

7.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố
- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan trên địa bàn được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

7.7. Kết quả thực hiện: Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt chương trình/kế hoạch phát triển nhà ở điều chỉnh kèm theo thuyết minh chương trình/kế hoạch phát triển nhà ở của thành phố điều chỉnh.

7.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

a) Đối với điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở:

Khi có thay đổi do điều chỉnh quy hoạch thành phố hoặc do phê duyệt quy hoạch thành phố trong giai đoạn mới hoặc do thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính thành phố đối với một trong các nội dung quy định:

- Dự kiến diện tích đất để phát triển nhà ở xã hội, nhà ở phục vụ tái định cư, nhà ở công vụ, cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư. Dự kiến tổng nhu cầu diện tích sàn nhà ở tăng thêm trên địa bàn thành phố trực thuộc trung ương trong kỳ chương trình phát triển nhà ở thành phố, trong đó phân định nhu cầu về diện tích nhà ở của từng nhóm đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội, từng loại hình nhà ở phát triển theo dự án;

- Xác định mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể cho việc phát triển nhà ở trên địa bàn thành phố trực thuộc trung ương;

- Định hướng chỉ tiêu phát triển nhà ở trong kỳ chương trình, bao gồm diện tích nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị, khu vực nông thôn và trên địa bàn thành phố trực thuộc trung ương; diện tích sàn nhà ở tối thiểu; dự kiến diện tích sàn nhà ở sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng trong kỳ chương trình; chất lượng nhà ở tại đô thị và nông thôn;

- Khu vực dự kiến phát triển nhà ở phân theo đơn vị hành chính cấp huyện;

b) Đối với điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở:

Có điều chỉnh nội dung chương trình phát triển nhà ở thành phố đã được phê duyệt; Có điều chỉnh nội dung liên quan đến nhà ở trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố đã được quyết định; Trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 65 của Luật này nếu kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư được xây dựng, phê duyệt chung với kế hoạch phát triển nhà ở thành phố.

7.11. Căn cứ pháp lý:

Điều 28 Luật Nhà ở năm 2023;

Khoản 2 Điều 10 và khoản 2 Điều 11 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

8. Thủ tục “Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch chung đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh”.

8.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chuẩn bị hồ sơ nhiệm vụ đầy đủ theo quy định và gửi Hồ sơ đến Sở Xây dựng để thẩm định.

- Trên cơ sở hồ sơ Nhiệm vụ trình thẩm định, Sở Xây dựng kiểm tra Hồ sơ Nhiệm vụ và lập Báo cáo thẩm định.

+ Kết quả đạt: lập Báo cáo thẩm định đối với Hồ sơ Nhiệm vụ và báo cáo nội dung thẩm định với Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

+ Kết quả không đạt: làm công văn trả lời (trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ).

- Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, Tờ trình và Hồ sơ xin phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch của cơ quan tổ chức lập quy hoạch, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt Nhiệm vụ theo quy định và gửi cơ quan tổ chức lập quy hoạch.

8.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị, gồm:

- + Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt;
- + Thuyết minh nội dung nhiệm vụ;
- + Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ;
- + Bản vẽ in màu thu nhỏ;
- + Các văn bản pháp lý có liên quan;

+ Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư, Hội đồng thẩm định về nội dung nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch.

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ + 01 USB lưu trữ toàn bộ hồ sơ.

8.4. Thời hạn giải quyết:

- Thẩm định nhiệm vụ không quá 20 ngày.

- Phê duyệt nhiệm vụ không quá 15 ngày.

8.5. Đối tượng thực hiện: cơ quan được giao tổ chức lập quy hoạch.

8.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân thành phố.

8.7. Kết quả thực hiện: Báo cáo thẩm định/Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh.

8.8. Lệ phí (nếu có): Mức phí thu theo thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/3009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng hiện hành.

9. Thủ tục “Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố, thị xã, đô thị loại IV trở lên chưa công nhận là thành phố, thị xã; đô thị mới dự kiến là thành phố, thị xã thuộc tỉnh”.

9.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chuẩn bị hồ sơ Đồ án đầy đủ theo quy định và gửi Hồ sơ đến Sở Xây dựng để thẩm định.

- Trên cơ sở hồ sơ Đồ án trình thẩm định, Sở Xây dựng kiểm tra Hồ sơ Đồ án và lập Báo cáo thẩm định.

- + Kết quả đạt: lập Báo cáo thẩm định đối với Hồ sơ Đồ án và báo cáo nội dung thẩm định với Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

- + Kết quả không đạt: làm công văn trả lời (trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ).

- Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, Tờ trình và Hồ sơ xin phê duyệt Đồ án của cơ quan tổ chức lập quy hoạch, ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt Đồ án theo quy định và gửi cơ quan tổ chức lập quy hoạch để tổ chức công bố, công khai theo quy định pháp luật hiện hành.

- + Đối với đồ án quy hoạch chung đô thị từ loại IV trở lên và đô thị mới, Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng trước khi phê duyệt.

9.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch:

- + Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án;

- + Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;

- + Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị;

- + Dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án;

- + Các phụ lục tính toán kèm theo;

- + Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định;

- + Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư, Hội đồng thẩm định về nội dung đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch.

- + Các văn bản pháp lý có liên quan.

- Số lượng hồ sơ: 03 bản + 01 USB lưu trữ toàn bộ hồ sơ đồ án.

9.4. Thời hạn giải quyết:

- Thẩm định đồ án không quá 25 ngày.

- Phê duyệt đồ án không quá 15 ngày.

9.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân quận, huyện.

9.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân thành phố.

9.7. Kết quả thực hiện TTHC: Báo cáo thẩm định/Quyết định phê duyệt.

9.8. Lệ phí (nếu có): Mức phí thu theo thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/3009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;

- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng hiện hành.

10. Thủ tục “Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chung thị trấn, đô thị loại V chưa công nhận là thị trấn và đô thị mới loại V”.

10.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chuẩn bị hồ sơ Đồ án đầy đủ theo quy định và gửi Hồ sơ đến Sở Xây dựng để thẩm định.

- Trên cơ sở hồ sơ Đồ án trình thẩm định, Sở Xây dựng kiểm tra Hồ sơ Đồ án và lập Báo cáo thẩm định.

+ Kết quả đạt: lập Báo cáo thẩm định đối với Hồ sơ Đồ án và báo cáo nội dung thẩm định với Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

+ Kết quả không đạt: làm công văn trả lời (trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ).

- Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng và Tờ trình, Hồ sơ xin phê duyệt Đồ án của cơ quan tổ chức lập quy hoạch, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt Đồ án theo quy định và gửi cơ quan tổ chức lập quy hoạch để tổ chức công bố, công khai theo quy định pháp luật hiện hành.

10.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án;

+ Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;

+ Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị;

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án;

+ Các phụ lục tính toán kèm theo;

+ Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định;

+ Các văn bản pháp lý có liên quan.

+ Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư, Hội đồng thẩm định về nội dung đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch.

- Số lượng hồ sơ: 03 bản + 01 UBS lưu trữ toàn bộ hồ sơ đồ án.

10.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: không quá 25 ngày.

- Thời gian phê duyệt: không quá 15 ngày.

10.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân huyện.

10.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân thành phố.

10.7. Kết quả thực hiện TTHC: Báo cáo thẩm định/Quyết định phê duyệt.

10.8. Lệ phí (nếu có): Mức phí thu theo thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định.

10.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/3009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng hiện hành.

11. Thủ tục “Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh”.

11.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chuẩn bị hồ sơ nhiệm vụ đầy đủ theo quy định và gửi Hồ sơ đến Sở Xây dựng để thẩm định.
- Trên cơ sở hồ sơ Nhiệm vụ trình thẩm định, Sở Xây dựng kiểm tra Hồ sơ Nhiệm vụ và lập Báo cáo thẩm định.
 - + Kết quả đạt: lập Báo cáo thẩm định đối với Hồ sơ Nhiệm vụ và báo cáo nội dung thẩm định với Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.
 - + Kết quả không đạt: làm công văn trả lời (trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ).
- Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, Tờ trình và Hồ sơ xin phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch của cơ quan tổ chức lập quy hoạch, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt Nhiệm vụ theo quy định và gửi cơ quan tổ chức lập quy hoạch.

11.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị, gồm:

- + Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt;
 - + Thuyết minh nội dung nhiệm vụ;
 - + Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ;
 - + Bản vẽ in màu thu nhỏ;
 - + Các văn bản pháp lý có liên quan;
 - + Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư, Hội đồng thẩm định về nội dung nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch.
- Số lượng hồ sơ: 03 bộ + 01 USB lưu trữ toàn bộ hồ sơ.

11.4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với Quy hoạch phân khu xây dựng chức năng:
 - + Thẩm định: không quá 15 ngày.
 - + Phê duyệt: không quá 10 ngày.
- Đối với Quy hoạch phân khu đô thị:
 - + Thẩm định: không quá 20 ngày.
 - + Phê duyệt: không quá 15 ngày.

11.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân quận, huyện; cơ quan được Ủy ban nhân dân thành phố giao tổ chức lập quy hoạch.

11.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phê duyệt nhiệm vụ: Ủy ban nhân dân thành phố.

11.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định/Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh.

11.8. Lệ phí (nếu có): Mức phí thu theo thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định.

11.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/3009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng hiện hành.

12. Thủ tục “Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.”

12.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chuẩn bị hồ sơ Đồ án đầy đủ theo quy định và gửi Hồ sơ đến Sở Xây dựng để thẩm định.
- Trên cơ sở hồ sơ Đồ án trình thẩm định, Sở Xây dựng kiểm tra Hồ sơ Đồ án và lập Báo cáo thẩm định.
 - + Kết quả đạt: lập Báo cáo thẩm định đối với Hồ sơ Đồ án và báo cáo nội dung thẩm định với Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.
 - + Kết quả không đạt: làm công văn trả lời (trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ).
- Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, Tờ trình và Hồ sơ xin phê duyệt Đồ án của cơ quan tổ chức lập quy hoạch, ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng (đối với đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng có quy mô trên 200ha), Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt Đồ án theo quy định và gửi cơ quan tổ chức lập quy hoạch để tổ chức công bố, công khai theo quy định pháp luật hiện hành.
 - + Đối với Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng có quy mô trên 200ha, Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng trước khi phê duyệt.

12.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch;
- + Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án;
- + Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;
- + Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị;
- + Dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án;
- + Các phụ lục tính toán kèm theo;
- + Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định;
- + Các văn bản pháp lý có liên quan.
- + Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư, Hội đồng thẩm định về nội dung đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch.
- Số lượng hồ sơ: 03 bản + 01 USB lưu trữ toàn bộ hồ sơ đồ án.

12.4. Thời hạn giải quyết:

- Thẩm định đồ án không quá 25 ngày.
- Phê duyệt đồ án không quá 15 ngày.

12.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cơ quan được UBND thành phố giao tổ chức lập quy hoạch.

12.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng;
- Cơ quan phê duyệt: UBND thành phố.

12.7. Kết quả thực hiện TTHC: Báo cáo thẩm định/Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh.

12.8. Lệ phí (nếu có): Mức phí thu theo thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định.

12.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/3009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng hiện hành.

13. Thủ tục “Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị”.

13.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chuẩn bị hồ sơ nhiệm vụ đầy đủ theo quy định và gửi Hồ sơ đến Sở Xây dựng để thẩm định.

- Trên cơ sở hồ sơ Nhiệm vụ trình thẩm định, Sở Xây dựng kiểm tra Hồ sơ Nhiệm vụ và lập Báo cáo thẩm định.

+ Kết quả đạt thì lập Báo cáo thẩm định đối với Hồ sơ Nhiệm vụ và báo cáo nội dung thẩm định với Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

+ Kết quả không đạt thì làm công văn trả lời (trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ).

- Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, Tờ trình và Hồ sơ xin phê duyệt Nhiệm vụ của cơ quan tổ chức lập quy hoạch, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt Nhiệm vụ theo quy định và gửi cơ quan tổ chức lập quy hoạch.

13.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị, gồm:

- + Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt;
- + Thuyết minh nội dung nhiệm vụ;
- + Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ;
- + Bản vẽ in màu thu nhỏ;
- + Các văn bản pháp lý có liên quan;

+ Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư, Hội đồng thẩm định về nội dung nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch.

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ + 01 USB lưu trữ toàn bộ hồ sơ.

13.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thẩm định: không quá 20 ngày.

- Thời gian phê duyệt: không quá 15 ngày.

13.5. Đối tượng thực hiện TTHC: cơ quan được Ủy ban nhân dân thành phố giao tổ chức lập quy hoạch.

13.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân thành phố.

13.7. Kết quả thực hiện TTHC: Báo cáo thẩm định/Quyết định phê duyệt.

13.8. Lệ phí (nếu có): Mức phí thu theo thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

13.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định.

13.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/3009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;

- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng hiện hành.

14. Thủ tục “Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị”.

14.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chuẩn bị hồ sơ Đồ án đầy đủ theo quy định và gửi Hồ sơ đến Sở Xây dựng để thẩm định.

- Trên cơ sở hồ sơ Đồ án trình thẩm định, Sở Xây dựng kiểm tra Hồ sơ Đồ án và lập Báo cáo thẩm định.

+ Kết quả đạt: lập Báo cáo thẩm định đối với Hồ sơ Đồ án và báo cáo nội dung thẩm định với Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

+ Kết quả không đạt: làm công văn trả lời (trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ).

- Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, Tờ trình và Hồ sơ xin phê duyệt Đồ án của cơ quan tổ chức lập quy hoạch, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt Đồ án theo quy định và gửi cơ quan tổ chức lập quy hoạch để tổ chức công bố, công khai theo quy định pháp luật hiện hành.

14.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

14.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án;

+ Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;

+ Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị;

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án;

+ Các phụ lục tính toán kèm theo;

+ Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định;

+ Các văn bản pháp lý có liên quan.

+ Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch.

- Số lượng hồ sơ: 03 bản + 01 USB lưu trữ toàn bộ hồ sơ đồ án.

14.4. Thời hạn giải quyết:

- Thẩm định đồ án không quá 25 ngày.

- Phê duyệt đồ án không quá 15 ngày.

14.5. Đối tượng thực hiện TTHC: UBND quận, huyện; cơ quan được UBND thành phố giao tổ chức lập quy hoạch.

14.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng;
- Cơ quan phê duyệt: UBND thành phố.

14.7. Kết quả thực hiện TTHC: Báo cáo thẩm định/Quyết định phê duyệt.

14.8. Lệ phí (nếu có): Mức phí thu theo thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

14.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

14.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định.

14.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/3009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng hiện hành.

15. Thủ tục “Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh”.

15.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chuẩn bị hồ sơ nhiệm vụ đầy đủ theo quy định và gửi Hồ sơ đến Sở Xây dựng để thẩm định.
- Trên cơ sở hồ sơ Nhiệm vụ trình thẩm định, Sở Xây dựng kiểm tra Hồ sơ Nhiệm vụ và lập Báo cáo thẩm định.

+ Kết quả đạt: lập Báo cáo thẩm định đối với Hồ sơ Nhiệm vụ và báo cáo nội dung thẩm định với Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

+ Kết quả không đạt: làm công văn trả lời (trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ).

15.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

15.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị, gồm:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt;

+ Thuyết minh nội dung nhiệm vụ;

+ Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ;

+ Bản vẽ in màu thu nhỏ;

+ Các văn bản pháp lý có liên quan;

+ Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch.

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ + 01 USB lưu trữ toàn bộ hồ sơ.

15.4. Thời hạn giải quyết: thời gian thẩm định không quá 20 ngày.

15.5. Đối tượng thực hiện TTHC: UBND quận, huyện.

15.6. Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Xây dựng.

15.7. Kết quả thực hiện TTHC: Báo cáo thẩm định.

15.8. Lệ phí (nếu có): Mức phí thu theo thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

15.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

15.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định.

15.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/3009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;

- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023;

- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị

định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng hiện hành.

16. Thủ tục “Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh”.

16.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chuẩn bị hồ sơ Đồ án đầy đủ theo quy định và gửi Hồ sơ đến Sở Xây dựng để thẩm định.

- Trên cơ sở hồ sơ Đồ án trình thẩm định, Sở Xây dựng kiểm tra Hồ sơ Đồ án và lập Báo cáo thẩm định.

+ Kết quả đạt: lập Báo cáo thẩm định đối với Hồ sơ Đồ án và báo cáo nội dung thẩm định với Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

+ Kết quả không đạt: làm công văn trả lời (trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ).

16.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

16.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án;

+ Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;

+ Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị;

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án;

+ Các phụ lục tính toán kèm theo;

+ Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định;

+ Các văn bản pháp lý có liên quan.

+ Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch.

- Số lượng hồ sơ: 03 bản + 01 USB lưu trữ toàn bộ hồ sơ đồ án.

16.4. Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định: không quá 25 ngày.

16.5. Đối tượng thực hiện TTHC: UBND quận, huyện.

16.6. Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Xây dựng.

16.7. Kết quả thực hiện TTHC: Báo cáo thẩm định.

16.8. Lệ phí (nếu có): Mức phí thu theo thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

16.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

16.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định.

16.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/3009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;
- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng hiện hành.

17. Thủ tục “Thẩm định nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh”.

17.1. Trình tự thực hiện: Không quy định.

17.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

17.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng, gồm:
- + Tờ trình đề nghị thẩm định;

- + Thuyết minh nội dung nhiệm vụ;
- + Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ;
- + Bản vẽ in màu thu nhỏ;
- + Các văn bản pháp lý có liên quan;
- + Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch.

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ + 01 USB lưu trữ toàn bộ hồ sơ.

17.4. Thời hạn giải quyết: không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

17.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân được giao tổ chức lập.

17.6. Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Xây dựng.

17.7. Kết quả thực hiện TTHC: Báo cáo thẩm định.

17.8. Lệ phí (nếu có): Mức phí thu theo thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

17.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

17.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định.

17.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;
- Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi Thông tư 06/2013/TT-BXD hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị.
- Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2023 của UBND thành phố phê duyệt Quy chế quản lý kiến trúc đô thị thành phố Cần Thơ.

18. Thủ tục “Thẩm định đồ án thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh”.

18.1. Trình tự thực hiện: Không quy định.

18.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

18.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ trình thẩm định đồ án thiết kế đô thị riêng;
- + Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án;

- + Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;
- + Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án thiết kế đô thị riêng;
- + Dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án;
- + Các phụ lục tính toán kèm theo;
- + Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định;
- + Các văn bản pháp lý có liên quan.
- + Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch.
- Số lượng hồ sơ: 03 bản + 01 USB lưu trữ toàn bộ hồ sơ đồ án.

18.4. Thời hạn giải quyết: không quá 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

18.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân được giao tổ chức lập.

18.6. Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Xây dựng.

18.7. Kết quả thực hiện TTHC: Báo cáo thẩm định.

18.8. Lệ phí (nếu có): Mức phí thu theo thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

18.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

18.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định.

18.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;
- Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi Thông tư 06/2013/TT-BXD hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị.
- Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2023 của UBND thành phố phê duyệt Quy chế quản lý kiến trúc đô thị thành phố Cần Thơ.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. Thủ tục “Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư.”.

1.1. Trình tự thực hiện: Nộp hồ sơ thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày.
- Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn.
- Dự thảo văn bản Thông báo kết quả thẩm định, kiểm tra, xem xét và ký vào văn bản Thông báo kết quả.
- Đến ngày hẹn trong phiếu biên nhận hồ sơ, tổ chức cá nhân đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đóng lệ phí và nhận Thông báo kết quả thẩm định.
- Ghi chép vào Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (theo Mẫu số 04, Phụ lục I, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ).

* Các Văn bản pháp lý gồm:

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt;
- Thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và bản vẽ thiết kế cơ sở có đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có);
- Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của Nhà thầu tư vấn thẩm tra được Chủ đầu tư xác nhận (nếu có yêu cầu);
- Văn bản thẩm duyệt thiết kế PCCC, kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu)
- Các Văn bản khác có liên quan.
- Hồ sơ khảo sát xây dựng được Chủ đầu tư phê duyệt;
- Hồ sơ thiết kế xây dựng xây dựng trình thẩm định;
- Hồ sơ năng lực:
 - + Mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng;
 - + Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng;
 - + Chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế;

+ Chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;

+ Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

- Đối với các công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu thẩm định dự toán xây dựng, ngoài các nội dung quy định tại nêu trên, hồ sơ phải có thêm dự toán xây dựng; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định dự toán xây dựng; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có).

- Các văn bản pháp lý liên quan (nếu có).

b) Số lượng: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Không quá **25 ngày** đối với dự án nhóm B kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Không quá **15 ngày** đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

1.8. Lệ phí (nếu có): Thu phí thẩm định (theo Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính).

1.9. Tên Công văn: thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Theo Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

2. Thủ tục “Điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư.”.

2.1. Trình tự thực hiện: Nộp hồ sơ điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày.

- Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn.

- Dự thảo văn bản Thông báo kết quả thẩm định, kiểm tra, xem xét và ký vào văn bản Thông báo kết quả.

- Đến ngày hẹn trong phiếu biên nhận hồ sơ, tổ chức cá nhân đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đóng lệ phí và nhận Thông báo kết quả thẩm định.

- Ghi chép vào Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (theo Mẫu số 04, Phụ lục I, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ).

* Các Văn bản pháp lý gồm:

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt;

- Thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và bản vẽ thiết kế cơ sở có đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có);

- Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của Nhà thầu tư vấn thẩm tra được Chủ đầu tư xác nhận (nếu có yêu cầu);

- Văn bản thẩm duyệt thiết kế PCCC, kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu)

- Các Văn bản khác có liên quan.

- Hồ sơ khảo sát xây dựng được Chủ đầu tư phê duyệt;

- Hồ sơ thiết kế xây dựng xây dựng trình thẩm định;

- Hồ sơ năng lực:

+ Mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng;

+ Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng;

+ Chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế;

+ Chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;

+ Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

- Đối với các công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu thẩm định dự toán xây dựng, ngoài các nội dung quy định tại nêu trên, hồ sơ phải có thêm dự toán xây dựng; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định dự toán xây dựng; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có).

- Đối với điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, chủ đầu tư phải nộp báo cáo tình hình thực tế thi công xây dựng công trình (trường hợp công trình đã thi công xây dựng).

- Báo cáo tình hình thực tế thi công xây dựng công trình (trường hợp công trình đã thi công xây dựng)

b) Số lượng: 01 bộ

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Không quá **25 ngày** đối với dự án nhóm B kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Không quá **15 ngày** đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật..

2.8. Lệ phí (nếu có): Thu phí thẩm định (theo Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính).

2.9. Tên Công văn: thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Theo Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.